TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2023/HC-PT
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn;

Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 151/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2022/HC-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1846/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Trần Minh H - Văn phòng luật sư Trần Minh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/. Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 80, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh

năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Bà Trương Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trương Thị Kim H trình bày:

Ngày 06/3/2020, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 1064/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 729,2m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà tại ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Kiên Giang. Lý do thu hồi đất là để đầu tư xây dựng đường vào Trường Mẫu giáo T.

Tuy nhiên, UBND huyện T1 áp dụng khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 để không bồi thường quyền sử dụng cho bà là không đúng qui định pháp luật.

Ngày 26/5/2020, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 3308/QĐ-UBND về việc bồi thường hoa màu, vật kiến trúc (không bồi thường, hỗ trợ đất đai) cho bà số tiền 145.946.323 đồng là không thỏa đáng, trái quy định pháp luật.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 về việc thu hồi đất của UBND huyện T1.

+ Hủy Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện T1.

Tại văn bản số 310/UBND-TNMT ngày 08/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ kiện, UBND huyện T1 và người đại diện có ý kiến như sau:

Nguồn gốc diện tích đất của gia đình bà Trương Thị Kim H do nhận chuyển nhượng từ ông Trương Văn H vào năm 1994. Đến năm 1997 gia đình bà H làm thủ tục sang tên cho ông Trần Minh T (chồng bà H) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lúc ông H còn sống ông có trình bày với chính quyền địa phương về diện tích đất ông chuyển nhượng cho gia đình bà H là 647m^2 đất thổ vườn có chiều ngang 12m, chiều dài 60m. Mặt trước giáp lộ, cặp sông T, mặt sau giáp đất ông Năm R, bên phải giáp đất bà Võ Thị A, bên trái giáp với Kinh Đ, phía bên kia Kinh Đ là đất của em trai bà H tên Trương Hoàng Ph. Như vậy Kinh Đ được nằm giữa giáp với hai bên đất của hai chị em bà H.

Qua kiểm tra đo đạc thực địa thì hiện tại bà H đang sử dụng thửa đất thổ vườn là 1.388m^2, thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 741m^2. Phần thừa này do bà H chiếm đất Kinh Đ.

Ngày 05/4/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 792/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện T1,

trong đó có diện tích đất Kinh Đ bà H đang quản lý, sử dụng vào mục đích làm đường vào Trường Mẫu giáo T.

Ngày 12/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện T1 ra Thông báo thu hồi đất số 80/TB-UBND để thực hiện dự án quy hoạch xây dựng đường vào Trường Mẫu giáo T đối với diện tích đất 741m^2 bà H đang quản lý, sử dụng. Bà H nhận Thông báo và có ý kiến đề nghị UBND huyện phải thu hồi cả phần đất của ông Ngô Sang C (đang sử dụng một phần Kinh Đ) thì mới đảm bảo tính công bằng.

Ngày 05/10/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1 ra Thông báo số 04/TB-TNMT gửi cho bà H về kết quả khảo sát, đo đạc đất đai, kiểm kê hoa màu, vật kiến trúc và tổng số tiền bồi thường là 145.946.323 đồng. Trong đó có tiền san lấp cát là 85.380.000 đồng. Bà H không được bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất. Bà H yêu cầu được xem xét bồi thường quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện T1 không đồng ý.

Ngày 06/3/2020, UBND huyện T1 ra Quyết định thu hồi diện tích đất 729,2m^2 (đo đạc thực tế ít hơn so với Thông báo thu hồi đất) do bà Trương Thị Kim H đang sử dụng để xây dựng đường vào Trường Mẫu giáo T. Diện tích đất thu hồi không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 26/5/2020 UBND huyện T1 ra Quyết định số 3308/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà H.

Bà H đã nhận hai Quyết định nêu trên và không đồng ý nên kiện đến Tòa án. Việc bà H xác định diện tích đất bị thu hồi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là không có cơ sở. Diện tích đất bà H bị thu hồi do bà chiếm Kinh Đ sử dụng từ năm 2011 nên không đủ điều kiện bồi thường.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, UBND huyện T1 thừa nhận việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 729,2m^2 của bà H có một số sai sót. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Đối với việc nhà nước thu hồi của bà H, bà không có tranh chấp. Tuy nhiên khối lượng cát san lấp trên diện tích đất thu hồi là của bà. Bà Th yêu cầu UBND huyện T1 bồi thường số tiền san lấp cát cho bà về khối lượng và đơn giá bồi thường theo phương án phê duyệt của UBND huyện T1, yêu cầu hủy Quyết định bồi thường số 3308/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND huyện T1.

Tại phiên tòa ngày 26/6/2022: Bà H xác định diện tích đất bà H bị thu hồi tại Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Diện tích đất bị thu hồi bà đã sử dụng từ năm 1993, UBNĐ huyện T1 thu hồi đất mà không bồi thường quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng. Đối với tài sản trên đất là tài sản của bà H, còn cát san lấp trước đây bà H cũng có chung tiền với vợ chồng bà Th để bơm cát. Nhưng hiện nay bà không có chứng cứ chứng minh nên bà cũng đồng ý sau khi Tòa tuyên hủy Quyết định bồi thường thì phần tiền san lấp đề nghị Ủy ban ra Quyết định bồi thường

cho bà Nguyễn Thị Thanh Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2022/HC-ST ngày 08/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 66, Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai; Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim H:

Hủy Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Trương Thị Kim H.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ra Quyết định bồi thường vật kiến trúc, cây trồng, hỗ trợ quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Kim H theo đúng quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ra Quyết định bồi thường tiền san lấp cát cho bà Nguyễn Thị Thanh Th theo đúng quy định của pháp luật.

2/. Bác yêu cầu của bà Trương Thị Kim H về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 1064/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/9/2022, người khởi kiện bà Trương Thị Kim H có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định thu hồi đất số 1064/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trương Thị Kim H làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND huyện T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Trương Thị Kim H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 về việc thu hồi đất của UBND huyện T1 và Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện T1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim H; hủy Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện T1; buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ra Quyết định bồi thường vật kiến trúc, cây trồng, hỗ trợ quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Kim H, ra Quyết định bồi thường tiền san lấp cát cho bà Nguyễn Thị Thanh Th theo đúng quy định của pháp luật. Nội dung này sau khi xét xử sơ thẩm các bên đương sự đều không có kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]. Đối với kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND của bà Trương Thị Kim H:

Ngày 06/3/2020, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 1064/QĐ-UBND thu hồi 729,2m^2 đất bà H đang sử dụng để làm đường vào trường Mẫu giáo T. Việc thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích công cộng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai; đồng thời phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt năm 2019 UBND huyện T1 theo Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang. UBND huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất là đúng thẩm quyền pháp luật quy định.

Bà H cho rằng nội dung của Quyết định số 1064/QĐ-UBND ghi *"diện tích đất thu hồi không đủ điều kiện bồi thường quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai"* dẫn đến bà H không được bồi thường về đất nên khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 1064/QĐ-UBND.

Xét thấy, căn cứ bản trích đo của UBND huyện T1 thì diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa 97 ghi chú trong sổ mục kê là Kinh S, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Thực tế hiện nay bà H đang sử dụng thửa đất thổ vườn là 1.388m^2, thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 741m^2.

Bà H cho rằng đã nhận chuuyển nhượng từ ông Trương Văn H diện tích đất 24 mét chiều ngang, bao gồm cả phần đất bị thu hồi từ năm 1994 và sử dụng cho đến nay bằng giấy tay. Giấy mua bán không có chứng thực của chính quyền địa phương. Sau khi nhận chuyển nhượng bà H cũng không kê khai để được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất dư ra. Mặt khác, quá trình xét xử sơ thẩm, bà H thừa nhận việc trước đây vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Trương Hoàng Ph san lấp cát lên phần đất bị thu hồi để sử dụng. Sau khi ông Ph, bà Th đi nơi khác sinh sống thì bà H sử dụng phần đất này đến nay.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thời điểm ngày 01/3/2006 và 28/8/2006 ông Ph, bà Th bơm cát để lấp phần đất kinh này đã bị UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính. Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh Th thì diện tích đất nêu trên trước năm 2006 là con kinh thủy lợi; năm 2006 vợ chồng bà Th bơm cát san lấp thì bà H mới sử dụng trồng cây, làm chuồng chăn nuôi gia súc.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H sử dụng phần đất này sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Trương Thị Kim H không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị Kim H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Kim H.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2022/HC-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 66, Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai; Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim H:

Hủy Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Trương Thị Kim H.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ra Quyết định bồi thường vật kiến trúc, cây trồng, hỗ trợ quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Kim H theo đúng quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 ra Quyết định bồi thường tiền san lấp cát

cho bà Nguyễn Thị Thanh Th theo đúng quy định của pháp luật.

2/. Bác yêu cầu của bà Trương Thị Kim H về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 1064/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T1.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001979 ngày 16/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang vào phần án phí phải chịu.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- ĐS (3);
- Lưu VP (3), HS (2).13b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng